TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 6 - 2023
V/v "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thi Ngân Hà

Bà Trương Mai Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Hới tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hoà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 106/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2022 về "Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn"; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/5/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Khắc S, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn T, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2022, được bổ sung tại bản tự khai và tại phiên toà, nguyên đơn chị H trình bày:*

Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Khắc S đã được Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết cho ly hôn tại Bản án số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 03/8/2022. Về phần tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn anh, chị không thỏa thuận cùng nhau về việc giải quyết tài sản chung. Nên chị Hới yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung gồm có:

+ 01 ngôi nhà cấp 4 và 1 phòng lồi lợp một mái bằng Pi rô xi măng, diện tích xây dựng khoảng 89 m^2, xây dựng năm 2000

+ Đất 400 m^2, trong đó đất ở 40 m^2, đất vườn 360 m^2, thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15, tại thôn T, xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, được UBND thành phố Đồng Hới cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên ông Nguyễn Khắc S vào ngày 27/9/2006, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: H 00343.

+ Hàng rào bao quanh xây bằng gạch.

+ 01 xe máy, Biểm kiểm soát 73A – 196.55, loại SH MODE đăng ký tháng 7 năm 2015 mang tên Lê Thị H. Hiện nay anh S đang sử dụng.

Ngoài tài sản nhà và đất nêu trên, còn có một số tài sản khác là vật dụng sinh hoạt trong gia đình, giá trị tài sản không lớn, thời gian sử dụng đã lâu, hiện nay giá trị còn lại không đáng kể, nên chị H không yêu cầu Toà án phân chia.

Toàn bộ khối tài sản trên chị yêu cầu chia đôi mỗi người sở hữu ½ giá trị tài sản. Chị Hới xin nhận ½ phần đất có nhà

** Ý kiến của bị đơn anh Nguyễn Khắc S trình bày:*

Anh và chị H đã ly hôn tại Bản án số 17/2022/HNGĐ-ST ngày 03/8/2022 của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới, tài sản vợ chồng tự thoả thuận nhưng anh, chị đã ba lần thoả thuận nhưng không được. Số tài sản theo như chị H yêu cầu là đúng. Nay anh yêu cầu Toà án chia cho đúng.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Tại phiên toà phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng trong qua trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Việc thụ lý vụ án: Sau khi nghiên cứu các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án xét thấy đây là tranh chấp về chia tài sản của vợ chồng sau khi đã ly hôn được quy định tại Điều 28 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND cấp huyện theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 BLTTDS.

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện việc triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định. Tuy nhiên, vì các đương sự không thống nhất được cách giải quyết vụ án nên không tiến hành hòa giải được. Việc ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu trước khi mở phiên tòa được thực hiện đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: HĐXX và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình như cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án, viết bản tự khai.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX áp dụng, các Điều 29, 33, 34, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 116,117, 118, 119, 351, 494, 486, 495, 498, 499 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 97, 98, 99, 100, 104, 105, 106, 166 Luật đất đai năm 2013; Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị

HĐXX tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia tài sản chung của chị H và anh S mỗi người được hưởng ½ giá trị tài sản chung của anh chị.

- Về án phí: Các bên đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

Chị Lê Thị H có đơn đề nghị Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết việc chia tài sản chung của chị và anh S sau khi đã ly hôn, anh S có nơi cư trú tại thành phố Đồng Hới. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Đồng Hới.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt trực tiếp thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật và đã hoà giải theo quy định Điều 210 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng anh S không có mặt nên không hoà giải được. Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên toà. Tại phiên toà ngày anh S, chị H có mặt HĐXX tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn chị H yêu cầu chia tài sản chung của anh S, chị Hới gồm: 01 ngôi nhà cấp 4 và 01 phòng lồi làm năm 2000, lợp mái bằng Pi rô xi măng, diện tích xây dựng 89.2m^2; Thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15, diện tích đất hiện tại đang sử dụng 352.2 m^2, trong đó đất ở 40 m^2, đất vườn 312.2 m^2; Hàng rào bao quanh xây bằng gạch dài 41.33m; Hai trụ cổng; Hai cánh cửa sắt; 01 xe máy.

Theo trình bày của chị H và anh S thì tài sản nhà và đất nêu trên là thuộc tài sản chung hợp pháp của chị, anh tạo lập được trong thời còn chung sống vợ chồng nhưng anh chị không thể phân chia được nên chị H đã yêu cầu Toà án giải quyết. Về diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là 400m^2, hiện tại đang sử dụng là 352.2 m^2, lý do thiếu do mở rộng đường giao thông, nay căn cứ diện tích hiện tại để chia. Chị H, anh S không thoả thuận được giá nên chị H đã yêu cầu Tòa ra Quyết định định giá tài sản.

Hội đồng định giá tài sản đã định giá cụ thể như sau:

- Về đất diện tích 352.2 m^2, trong đó đất ở 40 m^2, đất vườn 312.2 m^2;

Đất ở 40 m^2 x 1.600.000đ = 64.000.000đ; Đất vườn 312.2 m^2 x 39.000đ = 12.175.800đ; 01 ngôi nhà cấp 4 và 1 phòng lồi diện tích 89.4m^2 x 397.645đ/1m^2 = 35.549.463đ; Hàng rào 41.33m x 130.000đ = 5.372.900đ; 02 trụ cổng = 758.500đ; Cổng sắt = 2.402.400đ; Xe máy hiệu hon da biển số 73B1-196.55 đăng ký tên Lê Thị Hới vào tháng 7 năm 2015 = 20.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản của anh S, chị H được Tòa án chấp nhận để chia là 140.259.063 đồng

Với giá trị như trên tại phiên tòa anh S, chị H đã thừa nhận với giá trị của Hội đồng định giá tài sản không có ý kiến khác.

[4] Tổng giá trị tài sản của anh S, chị H được Tòa án chấp nhận để chia là 140.259.063 đồng. Về công sức đóng góp của anh, chị đều làm nghề lao động đơn thuần, công sức bằng nhau nên chia đôi anh S ½ chị H ½, trong tổng số tài sản mà anh, chị yêu cầu giải quyết.

[5] Về phân chia tài sản: Theo chị H trình bày chị xin lấy phần đất có nhà, nhưng anh S không nhất trí mà anh S xin nhận phần đất có nhà, theo chị H trình bày hiện nay anh S đã lấy vợ mới, có cuộc sống riêng, hiện tại chị đang phải thuê nhà trọ để sinh sống, điều kiện tạo lập chỗ ở rất khó khăn chị phải nuôi hai con chung ăn học.

Xét các yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Cả nguyên đơn và bị đơn đều có nguyện vọng được nhận phần đất có nhà. Hiện nay nhà của anh chị ngôi nhà cấp 4 lợp một mái đã xuống cấp. Tuy nhiên khi chia cần xem xét điều kiện sinh hoạt trước và sau khi có quyết định ly hôn, anh S đang ở trong nhà từ khi ly hôn cho đến nay. Chị H phải đi thuê nhà để ở với lý do anh S đuổi ra khỏi nhà, hiện nay anh chị ly hôn anh S đã ở ổn định. Do đó, giao phần diện tích đất có ngôi nhà cấp 4 diện tích 75.4m^2 cho anh S. Giao phần đất có 1 phòng lồi diện tích 14 m^2 cho chị H. Hiện nay nhà cấp 4 và phòng lồi liền kề nhau khi anh, chị muốn sữa chữa nhà hay tháo dỡ phần nhà của mình làm lại nhà mới thì không được làm ảnh đến phần nhà của nhau. Ngôi nhà cấp 4 và phòng lồi có kết cấu trước đây anh, chị đang chung sống cùng nhau, nhưng hiện nay ngôi nhà phải chia cho anh S ở một phần chị H ở một phần cần có sự cải tạo lại nhà cho phù hợp với điều kiện sinh hoạt riêng của mỗi bên, như có thể trổ thêm cửa ra vào hoặc trám cửa lại. Cho nên anh, chị nhận phần nhà của mình thấy chưa phù hợp với công năng sử dụng của mình thì tự cải tạo lại.

[6] Cụ thể nhà, đất giao cho anh S như sau:

- Giao cho anh S sử dụng diện tích đất 172.7m^2, trong đó, đất ở 20m^2, đất vườn 156.1m^2 được tách ra từ một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa số 29, tờ bản đồ số 13), địa chỉ thửa đất, tại xã T, thành phố Đồng Hới, diện tích đất 352.2m^2, trong đó, đất ở 40m^2, đất trồng cây lâu năm 312.2m^2, được UBND thành phố Đồng Hới, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc S vào ngày 27/9/2006.

- Có giá trị đất ở 20m^2 x 1.600.000đ = 32.000.000đ;

- Đất trồng cây lâu năm khác 152.7m^2 x 39.000đ = 5.955.300đ.

Diện tích đất 172.7m^2 có tứ cận, kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp đường Trùng Trương có kích thước từ điểm 1, 2 và điểm 3 là 3.81m + 5.14m.

+ Phía Nam giáp thủa đất số 30 và 226 có kích thước từ điểm 8, 9 và 10 là 1.81m + 7.23m

+ Phía Đông giáp phần đất giao cho chị Hới có kích thước từ điểm 8 đến điểm 3 là 18.79m

+ Phía Tây giáp thửa đất số 27 có kích thước từ điểm 10 đến điểm 1 là 19.89m.

- Giao cho anh S sở hữu 01 nhà cấp 4 lợp một mái xây dựng năm 2000, có diện tích 75.4m^2, có giá trị 29.982.433 đồng; Hai trụ cổng có giá trị 758.000 đồng; Cửa cổng (làm bằng sắt) có giá trị 2.402.400 đồng; hàng rào nằm về phía Bắc phần

đất được giao cho anh S 6.35m có giá trị 825.500 đồng; xe máy 20.000.000 đồng. Các tài sản này nằm trên diện tích đất 172.7m^2 được giao cho anh Sơn sử dụng.

Tổng tài sản của anh S được hưởng bằng giá trị là 32.000.000 đồng + 5.955.300đ + 29.982.433 đồng + 758.000 đồng + 2.402.400 đồng + 825.500 đồng + 20.000.000 đồng = 91.924.133 đồng.

[7] Cụ thể đất giao cho chị H như sau:

- Giao cho chị H sử dụng diện tích đất 179.5m^2, trong đó, đất ở 20m^2, đất vườn 159.5m^2 được tách ra từ một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa số 29, tờ bản đồ số 13), địa chỉ thửa đất, tại xã T, thành phố Đồng Hới, diện tích đất 352.2m^2, trong đó, đất ở 40m^2, đất trồng cây lâu năm 312.2m^2, được UBND thành phố Đồng Hới, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc S vào ngày 27/9/2006.

- Có giá trị đất ở 20m^2 x 1.600.000đ = 32.000.000đ;

- Đất trồng cây lâu năm khác 159.5m^2 x 39.000đ = 6.220.500đ.

Diện tích đất 179.5m^2 có tứ cận, kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp đường Trùng Trương có kích thước từ điểm 3 đến điểm 4 là 9.29m.

+ Phía Nam giáp thủa đất số 226 có kích thước từ điểm 6, 7 và 8 là 8.28m + 2.31m

+ Phía Đông giáp thửa đất số 401 có kích thước từ điểm 4, 5 và 6 là 5.08m + 12.33m.

+ Phía Tây giáp phần đất giao cho anh Sơn có kích thước từ điểm 3 đến điểm 8 là 18.79m.

- Giao cho chị H sở hữu 01 phòng lồi một mái xây dựng năm 2000, có diện tích 14m^2, có giá trị 5.567.030 đồng; hàng rào nằm về phía Bắc 9.29m, phía tây 5.08m, 12,33m, phía Nam 8.28m, tổng 34,98m nằm trên phần đất được giao cho chị H có giá trị 4.547.400 đồng. Các tài sản này nằm trên diện tích đất 179.5m^2 được giao cho chị H sử dụng.

Tổng tài sản của chị H được hưởng bằng giá trị là 32.000.000đ + 6.220.500đ + 5.567.030 đồng + 4.547.400đồng = 48.334.930 đồng.

[8] Khi anh S nhận tài sản bằng hiện vật bên có nhà có giá trị nhiều hơn chị H, thì anh S phải có nghĩa vụ giao tiền chênh lệch tài sản còn thiếu tính bằng giá trị của một phần được hưởng cho chị H cụ thể: Anh S nhận tài sản tính bằng giá trị là 91.924.133 đồng, chị H nhận tài sản bằng giá trị là 48.334.930 đồng. Anh S nhận tài sản nhiều hơn so với giá trị tài sản anh được hưởng nên anh S phải giao tiền chênh lệch tài sản cho chị H với số tiền 21.794.602 đồng

[9] Diện tích đất, nhà được giao cho anh S, chị H thể hiện tại sơ đồ hiện trạng thửa đất ngày 06/6/2023 do Thẩm phám, Chủ toạ phiên toà ký. Trong phần đất được giao cho anh S sử dụng có 41.1m^2 đất, chị H có 43.3m^2 đất là đất quy hoạch chỉ giới giao thông khi nào Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện quy hoạch thì anh, chị phải thực hiện theo quy hoạch

[10] Về án phí:

- Nguyên đơn chị H phải chịu án phí trên phần giá trị của mình được hưởng là 70.129.531 đồng x 5% = 3.506.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước, nhưng chị Hới có đơn xin giảm án phí vì lý do hoàn cảnh khó khăn đang nuôi hai con ăn

học, đang thuê nhà trọ để ở được xã xác nhận do đó giảm 50% án phí cho chị H còn lại chị H phải chịu 1.753.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp 8.250.000 đồng còn thừa 6.497.000 đồng trả lại cho chị H.

- Bị đơn anh S phải chịu án phí trên phần giá trị của mình được hưởng là 70.129.531 đồng x 5% = 3.506.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 29, 33, 34, 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 116,117, 118, 119, 351, 494, 486, 495, 498, 499 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, 97, 98, 99, 100, 104, 105, 106, 166 Luật đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H về việc "chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn" đối với anh Nguyễn Khắc S.

2. Xác định tài sản chung của chị Lê Thị H và anh Nguyễn Khắc S yêu cầu Toà án chia gồm: Diện tích đất 352.2 m^2; 01 ngôi nhà cấp 4 diện tích 75.4m^2; 01 phòng lồi diện tích 14m^2; Hàng rào 41.33m; 02 trụ cổng xây bằng gạch; 01 cửa cổng bằng sắt các tài sản trên nằm trên thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa số 29, tờ bản đồ số 13), địa chỉ thửa đất, tại xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới; 01 xe máy hiệu hon đa biển số 73B1-196.55, đăng ký tháng 7 năm 2015 mang tên chị Lê Thị H.

3. Tổng giá trị tài sản của chị Lê Thị H và anh Nguyễn Khắc S là 140.259.063 đồng.

4. Tài sản được chia như sau:

4.1. Về giá trị: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Khắc S mỗi người được chia 1/2 giá trị tài sản tính bằng giá trị là 70.129.531 đồng.

4.2. Về hiện vật:

* Giao cho anh Nguyễn Khắc S được sử dụng diện tích đất 172.7m^2, trong đó, đất ở 20m^2, đất trồng cây lâu năm 152.7m^2, được tách ra từ một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa số 29, tờ bản đồ số 13), địa chỉ thửa đất, tại xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, diện tích đất 352.2m^2, trong đó, đất ở 40m^2, đất trồng cây lâu năm 312.2m^2, được UBND thành phố Đồng Hới, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc S vào ngày 27/9/2006.

Diện tích đất 172.7m^2 được giao cho anh S sử dụng có tứ cận, kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp đường Trùng Trương có kích thước từ điểm 1 đến điểm 2 và đến điểm 3 là 3.81m + 5.14m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 30 và 226 có kích thước từ điểm 8 đến điểm 9 và đến điểm 10 là 1.81m + 7.23m

+ Phía Đông giáp phần đất giao cho chị H có kích thước từ điểm 8 đến điểm 3 là 18.79m

+ Phía Tây giáp thửa đất số 27 có kích thước từ điểm 10 đến điểm 1 là 19.89m.

- Giao cho anh Nguyễn Khắc S sở hữu các tài sản nằm trên diện tích đất 172.7m^2 gồm: 01 nhà cấp 4 lợp một mái xây dựng năm 2000, có diện tích 75.4m^2;

02 trụ cổng; 01 cửa cổng (làm bằng sắt); hàng rào nằm về phía Bắc phần đất được giao cho anh Sơn 6.35m. Và 01 xe máy hiệu hon da biển số 73B1-196.55 đăng ký tên Lê Thị H vào tháng 7 năm 2015. Tổng tài sản của anh S được hưởng bằng giá trị là 91.924.133 đồng.

* Giao cho chị Lê Thị H sử dụng diện tích đất 179.5m^2, trong đó, đất ở 20m^2, đất vườn 159.5m^2, được tách ra từ một phần thửa đất số 315, tờ bản đồ số 15 (nay là thửa số 29, tờ bản đồ số 13), địa chỉ thửa đất, tại xã Thuận Đức, thành phố Đồng Hới, diện tích đất 352.2m^2, trong đó, đất ở 40m^2, đất trồng cây lâu năm 312.2m^2, được UBND thành phố Đồng Hới, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Khắc S vào ngày 27/9/2006.

Diện tích đất 179.5m^2 được giao cho chị H sử dụng có tứ cận, kích thước như sau:

+ Phía Bắc giáp đường Trùng Trương có kích thước từ điểm 3 đến điểm 4 là 9.29m.

+ Phía Nam giáp thửa đất số 226 có kích thước từ điểm 6 đến điểm 7 và đến điểm 8 là 8.28m + 2.31m

+ Phía Đông giáp thửa đất số 401 có kích thước từ điểm 4 đến điểm 5 và đến điểm 6 là 5.08m + 12.33m.

+ Phía Tây giáp phần đất giao cho anh Sơn có kích thước từ điểm 3 đến điểm 8 là 18.79m.

- Giao cho chị Lê Thị H sở hữu các tài sản nằm trên diện tích đất 179.5m^2 gồm: 01 phòng lồi một mái xây dựng năm 2000, có diện tích 14m^2; Hàng rào nằm về phía Bắc 9.29m, phía tây 5.08m + 12,33m, phía Nam 8.28m.

Tổng tài sản chị H nhận tài sản bằng giá trị là 48.334.930 đồng.

5. Tài sản nhà đất của anh S, chị H được chia kèm theo Sơ đồ hiện trạng thủa đất ngày 06/6/2023 để xác định cụ thể phần nhà, đất của anh, chị được sử dụng. Trong phần đất được giao cho anh S sử dụng có 41.1m^2 đất, chị H có diện tích 43.3m^2 đất là đất quy hoạch chỉ giới giao thông khi nào Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện quy hoạch thì anh, chị phải thực hiện theo quy hoạch.

6. Hiện nay anh S sở hữu nhà cấp 4 diện tích 75.4m^2, chị Hới sử dụng 01 phòng lồi diện tích 14m^2 liền kề nhau cho nên khi anh hoặc chị muốn sữa chữa hay tháo dỡ phần nhà của mình thì không được làm ảnh đến phần nhà của nhau.

7. Buộc anh Nguyễn Khắc S phải giao tiền chênh lệch tài sản cho chị Lê Thị H với số tiền 21.794.602 đồng.

8. Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Khắc S có quyền tiến hành thủ tục để được cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền theo diện tích đất của mỗi người được sử dụng với đất tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

9. Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 13, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; khoản 9 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn chị Lê Thị H phải chịu án phí 1.753.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền chị đã nộp 8.250.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0001361 ngày 01/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Còn thừa 6.497.000 đồng trả lại cho chị H.

- Bị đơn anh S phải chịu án phí 3.506.000 đồng, để nộp ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với số tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trong trường hợp bản án thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 06/6/2023, đương sự vắng mặt tại phiên toà hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các Đương sự;
- VKSND TP. Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Hoàng Văn Lộc